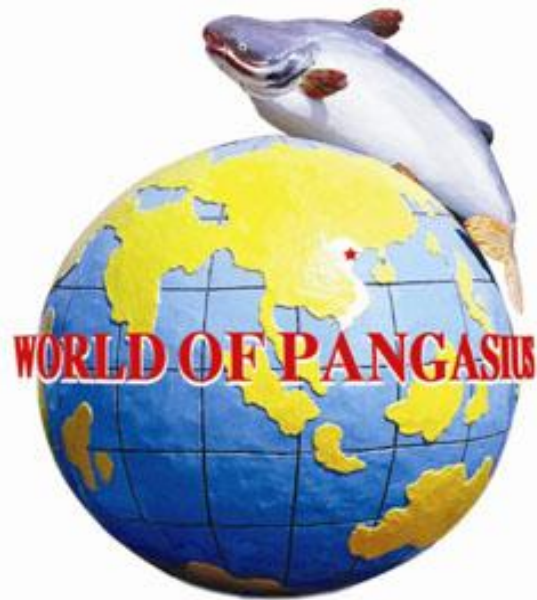


**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

<http://www.navicorp.com.vn>



**NAVICO  
NAM VIET CORPORATION**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2007**

# MỤC LỤC

<b>PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY .....</b>	<b>3</b>
<b>LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG .....</b>	<b>5</b>
I. Lịch sử hoạt động .....	6
II. Sơ đồ tổ chức .....	8
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>9</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>13</b>
I. Báo cáo tình hình tài chính .....	14
II. Báo cáo kết quả kinh doanh .....	16
<b>TỔ CHỨC NHÂN SỰ .....</b>	<b>23</b>
I. Tổ chức nhân sự .....	24
II. Lý lịch các cá nhân trong Ban Giám đốc .....	24
<b>THÔNG TIN CỔ ĐÔNG &amp; QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>29</b>
I. Thông tin cổ đông/Thành viên góp vốn và quản trị công ty .....	30
II. Các dữ liệu thống kê về cổ đông .....	32
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>	<b>34</b>
I. Báo cáo của kiểm toán viên.....	35
II. Bảng cân đối kế toán .....	36
III. Báo cáo kết quả kinh doanh .....	39
IV. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ .....	40
V. Thuyết minh báo cáo tài chính .....	42

# PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa toàn thể quý cổ đông!

Vùng đất đồng bằng Sông Cửu Long nơi con cá tra, cá basa từ con cá chỉ biết vùng vẫy trong sông hồ, đến nay đã ra biển lớn; từ sản xuất nhỏ đã tiến lên sản xuất công nghiệp quy mô lớn, đã mang sản phẩm cá tra, cá basa đặc chủng của Việt Nam với chất lượng cao có mặt trên 65 nước trên thế giới, ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam khi lần đầu tiên tiếp cận 1 tỷ USD trong năm 2007 chiếm hơn ¼ trong tổng kim ngạch xuất khẩu ngành thủy sản Việt Nam

Với kế hoạch của ngành thủy sản đến năm 2010 sản lượng nuôi đạt 1 triệu tấn/năm thì chỉ đến năm 2007 kế hoạch này đã vượt mức, điều đó nói lên sự phát triển mạnh mẽ của cá tra, cá basa Việt Nam, mang lại việc làm cho hàng chục vạn người trong nhà máy cũng như các trại nuôi, mang lại cơm no áo ấm cho mọi người góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung và kinh tế đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

Nhân dân đồng bằng sông Cửu Long đã mang ơn con cá tra, cá basa góp phần cho sự thịnh vượng trong nhiều năm qua của mình nên trong quá trình phát triển ngày càng mạnh mẽ đó người dân đã ý thức đến việc phải bảo vệ môi trường cũng là bảo vệ cho sự trường tồn cho sản phẩm “thiên phú” của mình và cũng chính là tự bảo vệ “nồi cơm” cho con cháu thừa hưởng mãi mãi về sau.

Cùng với sự phát triển của con cá tra, cá basa đó, Công Ty Cổ Phần Nam Việt ra đời năm 2000, thì trong vòng 6 năm sau (năm 2006) đã vươn lên vị trí số 1 trong làng thủy sản Việt Nam và vị trí đó đã tiếp diễn sang năm 2007 với kim ngạch xuất khẩu 195 triệu USD chiếm 22% tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra cá basa của Việt Nam, Công Ty Cổ Phần Nam Việt quyết tâm tiếp tục phấn đấu giữ vững vị trí số 1 này, đó là niềm tự hào và là thách thức cho tất cả lãnh đạo, cán bộ công nhân Công ty Nam Việt.

Với nỗ lực không ngừng vươn lên, năm 2006 Nam Việt từ công ty TNHH đã chuyển đổi thành Công Ty Cổ phần và đến tháng 12 năm 2007 Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cho phép niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM. Nhận thức được trách nhiệm trước hàng ngàn cổ đông, những người đã tin tưởng đầu tư vào Công Ty thì đồng vốn đó phải làm thế nào được sinh sôi nảy nở là trách nhiệm của những người quản lý Công Ty

Ngay đầu năm 2008 những chuyển biến về suy thoái của một số nền kinh tế lớn thế giới đã làm cho đồng USD mất giá nghiêm trọng ảnh hưởng đến hiệu quả trong kinh doanh, trong nước tốc độ lạm phát gia tăng mạnh mẽ, Chính phủ đã có nhiều biện pháp can thiệp để hạn chế lạm phát thì cũng chính điều đó tăng trưởng kinh tế chậm lại, một số quan hệ kinh tế bị biến dạng không phát triển như quy luật bình thường vốn có của nó cũng đã và sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình sản xuất kinh doanh của ngành thủy sản năm 2008. Bên cạnh những bất lợi đó, đối với sản phẩm cá tra, cá basa đang có chiều hướng phát triển tốt trên các thị trường thế giới bởi chất lượng cao của sản phẩm ngày càng được thị trường khẳng định, ngày càng có nhu cầu tăng lên, với quyết tâm của toàn thể Ban điều hành, cán bộ công nhân của Công Ty cộng với sự tin tưởng của cổ đông hứa hẹn con cá tra, cá basa Việt Nam sẽ làm nên những kỳ tích trong quá trình phát triển của mình trong năm 2008 và nhiều năm tiếp theo.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Nam Việt kính chúc toàn thể cổ đông, tất cả cán bộ công nhân và gia đình hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng kính chào!

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**DOÃN TỚI**

# **LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG**

## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG :

- Tên gọi Công ty : Công ty Cổ phần Nam Việt
- Tên giao dịch : NAM VIỆT CORPORATION
- Tên viết tắt : NAVICO
- Vốn điều lệ : 660.000.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi tỷ đồng*)
- Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo - Phường Mỹ Quý – Long Xuyên – An Giang
- Điện thoại : 076 – 834.060 / 932.486
- Fax : 076 – 834.090
- Website : <http://www.navicorp.com.vn>
- Email : [namvietagg@hcm.vnn.vn](mailto:namvietagg@hcm.vnn.vn)
- Công ty TNHH Nam Việt được thành lập năm 1993
- Tháng 10/2006 Công Ty TNHH Nam Việt được chuyển đổi thành Công Ty Cổ Phần Nam Việt theo Giấy CNĐKKD số : **5203000050** do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh An Giang cấp ngày 02/10/2006.
- Mã số thuế : 1600.168.736

### Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm :

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình dân dụng	4251
2	Xây dựng công trình công nghiệp	45221 - 452210
3	Xây dựng công trình giao thông	45222 - 452220
4	Xây dựng công trình thủy lợi	45223 - 452230
5	Nuôi cá	151
6	Sản xuất bao bì giấy	21022 - 210220
7	In bao bì các loại	22213 - 222130
8	Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản	151
9	Sản xuất dầu Bio- diesel	/
10	Chế biến dầu cá và bột cá	/
11	Sản xuất keo Gentaline và Glycerin	/
12	Mua bán cá, thủy sản	51243 - 512430

## ❖ Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức niêm yết :

- Công ty cổ phần Nam Việt (Navico) có tiền thân là Công ty TNHH Nam Việt được thành lập vào năm 1993 với vốn điều lệ ban đầu là 27 tỷ đồng, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đến năm 2000 nhận thấy tiềm năng phát triển mạnh mẽ của cá tra, cá basa tại An Giang, Công ty quyết định đầu tư mở rộng phạm vi kinh doanh sang lĩnh vực chế biến thủy sản, khởi đầu là việc xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Nam Việt với tổng vốn đầu tư là 30,8 tỷ đồng, chuyên chế biến xuất khẩu cá Tra, cá Basa đông lạnh. Đây là một trong những bước chuyển biến quan trọng về định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ năm 2001 (Navico) tiếp tục đầu tư mở rộng thêm các dây chuyền của nhà máy chế biến thủy sản Nam Việt để nâng công suất lên 300 tấn cá nguyên liệu/ngày đến năm 2004 xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh Thái Bình Dương có công suất 200 tấn cá nguyên liệu/ngày đưa vào hoạt động cuối tháng 11 năm 2004, nâng tổng công suất chế biến trung bình của Công ty là 500 tấn cá/ngày.

- Ra đời và phát triển mạnh mẽ với tốc độ cao hàng năm, để tiếp tục phát triển với quy mô lớn hơn, nhanh hơn, năm 2006 Nam Việt đã chính thức chuyển sang Công ty Cổ Phần với số vốn điều lệ là 600 tỷ đồng. Ngày 18/04/2007, Nam Việt được phép phát hành thêm cổ phần chào bán cổ phiếu ra công chúng 6 triệu cổ phần ( tương đương với 60 tỷ đồng mệnh giá ) để tăng vốn điều lệ , mức vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 660 tỷ đồng theo giấy CNĐKKD số **5203000050** của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 18/08/2007.

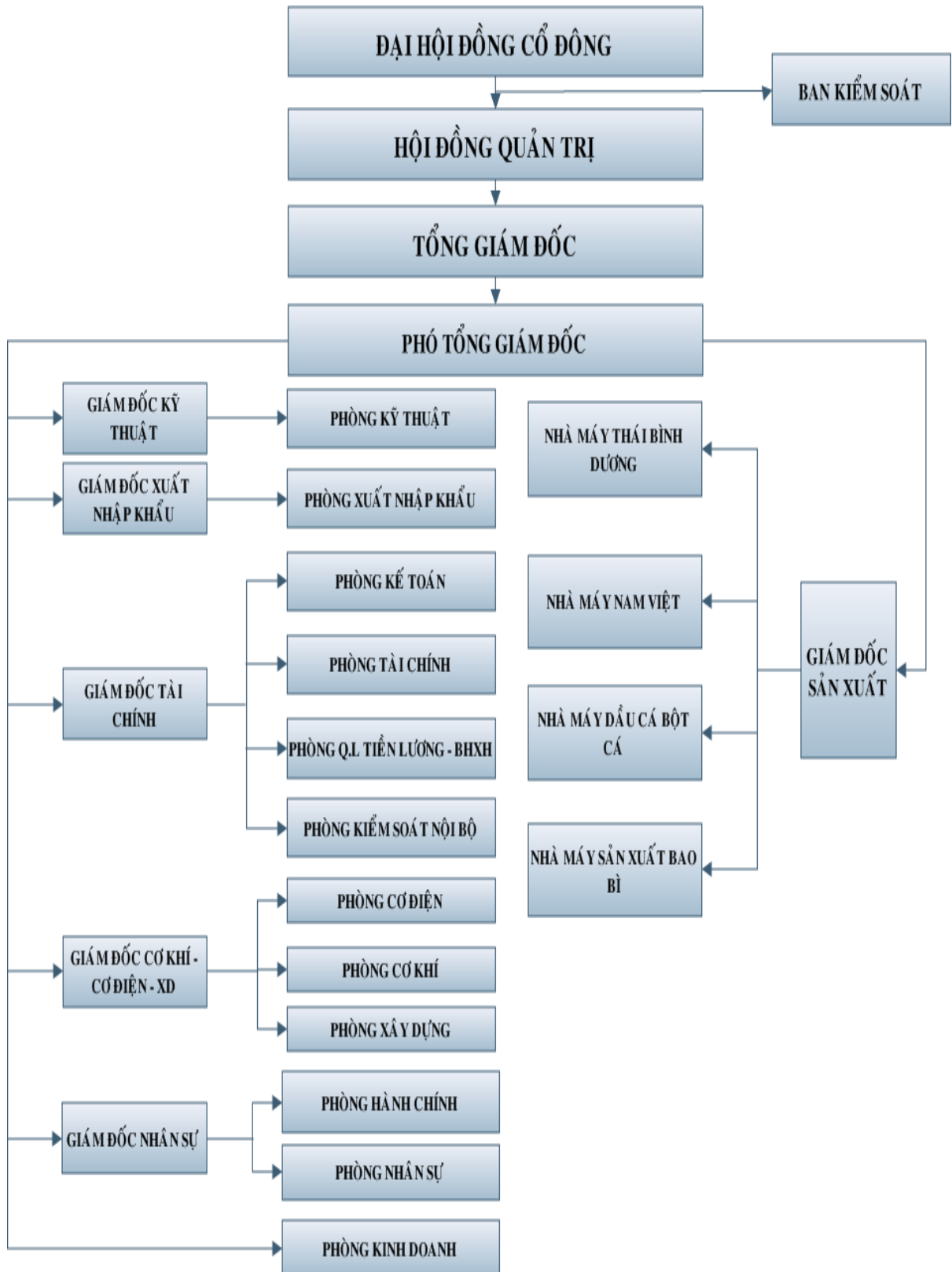
- Ngày 28/11/2007 Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép niêm yết số 160/QĐ – SGDHCM trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Loại cổ phiếu niêm yết :	Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá :	10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết:	66.000.000 cổ phiếu
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên :	07/12/2007
- Mã chứng khoán :	ANV

## ❖ Định hướng phát triển :

- Giữ vững vị trí số 1 trong ngành thủy sản Việt Nam
- Đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa thị trường
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp
- Thu hút nguồn nhân lực có tài, có tâm

## II. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





# **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm 2007, trên cơ sở phân tích đánh giá thị trường cũng như năng lực sản xuất của công ty, Hội đồng Quản Trị đã thảo luận và chỉ đạo Ban Giám Đốc triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch đã đề ra thông qua củng cố vững chắc thị phần trong những thị trường truyền thống và phát triển thị trường mới. Tuy thị trường trong và ngoài nước tiếp tục phát triển nhưng có những thời điểm không thuận lợi về xuất khẩu tại thị trường Nga (từ tháng 4 đến tháng 10 – 2007) nên đã ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Sắp xếp lại tổ chức theo chức năng để đảm bảo bộ máy công ty hoạt động ngày càng nâng cao hiệu quả với chi phí thấp nhất

Trong giai đoạn năm 2008 đến – 2010, nhằm đưa Công ty tiếp tục phát triển với tốc độ tăng trưởng nhanh, Hội Đồng Quản Trị đã quyết định đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy Ấn Độ Dương có công suất thiết kế 700 tấn nguyên liệu cá/năm sớm hoàn thành đưa vào hoạt động ngay trong quý 2 năm 2008, đồng thời khẩn trương mua đất xây dựng vùng nuôi cá nguyên liệu tại An Giang, bên cạnh đó, quyết tâm đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản có công suất 500.000 tấn/năm

#### ❖ Tóm tắt số liệu tài chính năm 2007

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện		So sánh 2006	So sánh kế hoạch
	Năm 2006	Năm 2007		
Tài sản ngắn hạn	920,577,186,174	1,657,433,508,467	180.04%	
Tài sản dài hạn	184,943,928,145	686,538,894,642	371.21%	
Doanh thu thuần	2,707,076,200,882	3,193,437,265,458	117.96%	75.49%
Lợi nhuận trước thuế	278,132,709,864	416,572,003,671	149.77%	92.57%
Lợi nhuận sau thuế	271,254,358,314	370,340,944,472	136.53%	86.13%
Lãi cơ bản / CP	4,521	5,953	131.68%	

#### ❖ Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 07/12/2007.
- Tăng vốn điều lệ từ 600.000 triệu đồng lên 660.000 triệu đồng.
- Đầu tư dài hạn vào Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Mỹ Xuyên 10,8%.
- Góp vốn vào Quỹ Phát Triển Việt Long 6,67%.
- Góp vốn vào Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt 4%.

#### ❖ Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

##### - Triển vọng

Nhu cầu tiêu thụ thủy sản trên thế giới ngày một tăng cao, nhất là một số nước phát triển như Nga, Châu Âu, Mỹ ...Xu hướng phát triển kinh tế cao và hiện đại, nhu cầu về tiêu dùng thực phẩm thức ăn nhanh và chế biến sẵn (đông lạnh, đồ hộp...) ngày một tăng và trở thành sản phẩm thiết yếu nhất là những nước có nền kinh tế phát triển. Trong đó, thực phẩm có nguồn gốc từ thủy sản được ưa chuộng ngày càng tăng cao. Vì

vậy, ngành chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu hiện đang có triển vọng phát triển tốt.

**- Kế hoạch 2008 – 2012:**

Lấy mục tiêu giữ vững vị trí số 1 trong ngành thủy sản Việt Nam về kim ngạch xuất khẩu để thực hiện đầu tư các dự án phục vụ cho mục tiêu này, bao gồm:

✓ **Nhà máy Ấn Độ Dương:**

- Khởi công	:	Đầu năm 2007
- Quy mô vốn	:	450 tỷ đồng
- Nguồn vốn	:	Từ thặng dư vốn phát hành IPO 2007
- Công suất thiết kế	:	700 tấn cá nguyên liệu/ngày
- Dự kiến đưa vào sử dụng	:	Quý 3 – 2008
	:	+Năm 2008 : 1.400 tỷ VND
	:	+Năm 2009 : 1.960 tỷ VND
- Dự kiến doanh thu	:	+Năm 2010 : 1.960 tỷ VND
	:	+Năm 2011 : 2.254 tỷ VND
	:	+Năm 2012 : 2.592 tỷ VND

✓ **Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản :**

- Khởi công	:	Quý 3 năm 2008
- Quy mô vốn	:	600 tỷ đồng
- Nguồn vốn	:	Vốn vay ngân hàng
- Công suất thiết kế	:	500 tấn thành phẩm/năm
- Dự kiến đưa vào sử dụng	:	Quý 3 – 2009
	:	+Năm 2009 : 816 tỷ VND
- Dự kiến doanh thu	:	+Năm 2010 : 2.450 tỷ VND
	:	+Năm 2011 : 2.817 tỷ VND
	:	+Năm 2012 : 3.240 tỷ VND

✓ **Nhà máy chế biến dầu ăn:**

- Khởi công	:	Đầu năm 2008
- Quy mô vốn	:	150 tỷ đồng
- Nguồn vốn	:	Từ lợi nhuận để lại
- Công suất thiết kế	:	200 tấn dầu ăn/ngày
- Dự kiến đưa vào sử dụng	:	Năm 2009
	:	+Q2- 2009 : 627 tỷ VND
-Dự kiến doanh thu	:	+Năm 2010 : 1.254 tỷ VND
	:	+Năm 2011 : 1.400 tỷ VND
	:	+Năm 2012 : 1.658 tỷ VND

✓ **Vùng nuôi cá nguyên liệu:**

- Mua đất : Năm 2007 và 2008
- Quy mô vốn : 240 tỷ đồng
- Nguồn vốn : Từ lợi nhuận để lại và thặng dư vốn
- Công suất thiết kế : 80.000 tấn cá nguyên liệu/năm
  - +Năm 2009 : 40 tỷ VND
- Dự kiến giảm chi phí nguyên liệu : +Năm 2010 : 80 tỷ VND
  - +Năm 2011 : 120 tỷ VND

✓ **Nhà máy chế biến sản phẩm giá trị gia tăng:**

- Khởi công : Đầu năm 2009
- Quy mô vốn : 250 tỷ đồng
- Nguồn vốn : Vốn vay ngân hàng
- Công suất thiết kế : 60 tấn thành phẩm/ngày
- Dự kiến đưa vào sử dụng : Quý 3 – 2009
  - +Năm 2009 : 250 tỷ VND
- Dự kiến doanh thu : +Năm 2010 : 752 tỷ VND
  - +Năm 2011 : 1.236 tỷ VND
  - +Năm 2012 : 1.421 tỷ VND

# **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

## I. Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty được Công ty TNHH KPMG kiểm toán, có ý kiến và xác nhận.

Bảng tóm tắt và đánh giá các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh đến ngày 31/12/2007 như sau:

### ❖ Phân tích tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	70,71%	83,27%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	29,29%	16,73%
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	27,80%	33,98%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	72,20%	66,02%
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,48	0,27
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,60	2,94
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	15,80%	24,54%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	11,60%	10,02%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	21,88%	37,16%

### ❖ Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm	
Tạm ứng cổ tức bằng tiền (VNĐ) đợt 1 ( 12%)	<b>79.200.000.000</b>
Dự kiến đợt 2 trả vào ngày 26/5/2008 (6%)	<b>39.400.218.000</b>

### ❖ Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	<b>66.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VNĐ/Cổ phiếu

❖ **Những thay đổi về vốn cổ đông:**

Ngày 01/08/2007 phát hành thêm 6 triệu cổ phiếu nâng tổng số cổ phiếu đang lưu hành lên 66 triệu cổ phiếu (100% là cổ phiếu phổ thông)

❖ **Cơ cấu cổ đông đến ngày 01/04/2008**

<i>Cơ cấu cổ đông</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1. Nước ngoài	18,85%
Cổ đông là tổ chức	18,79%
Cổ đông là cá nhân	0,06%
2. Trong nước	81,15%
Cổ đông trong công ty	59,41%
Cổ đông ngoài công ty	21,74%

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài nắm giữ cổ phiếu là 12.438.280 chiếm 18,85% vốn điều lệ, tăng 2,14% so với thời điểm cổ phiếu ANV vừa niêm yết trên sàn giao dịch

❖ **Những biến động lớn so với kế hoạch**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2007</i>		<i>% tăng giảm giữa kế hoạch và thực hiện</i>
	<i>Thực hiện (Triệu đồng)</i>	<i>Kế hoạch (Triệu đồng)</i>	
Vốn chủ sở hữu	660.000	660.000	
Doanh thu thuần	3.193.437	4.230.000	75,49%
Lợi nhuận trước thuế	416.572	450.000	92,57%
Lợi nhuận sau thuế	370.340	430.000	86,13%
LN sau thuế/Doanh thu thuần	11,59%	10,17%	
LNST/Vốn chủ sở hữu	56,11%	65,15%	
Cổ tức tính trên mệnh giá (%)	12,0%	18,0%	66,67%

**Nguyên nhân:**

- ✓ Doanh thu chủ yếu của Công ty dựa vào hoạt động xuất khẩu nên sự biến động tỷ giá VNĐ/USD giảm dần dẫn đến doanh số giảm.
- ✓ Thị trường Nga từ tháng 4 đến tháng 10 tạm dừng nhập khẩu để xác định tiêu chuẩn cho sản phẩm cá Tra, Basa nhập vào Nga.
- ✓ Cổ tức tính trên mệnh giá: Thực tế trong năm 2007 Công ty chỉ tạm ứng cổ tức đợt I cho cổ đông là 12%, dự kiến tới ngày 26/05/2008 công ty sẽ trả cổ tức đợt II cho cổ đông là 6%. Vậy tổng số tiền chi cổ tức là 118.600.218.000 đồng, chiếm 32% lợi nhuận sau thuế.

## II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

### ❖ Về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý :

- Thành lập Công ty TNHH Ấn Độ Dương với tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Nam Việt là 100%.
- Bà Dương Thị Kim Hương rút tên ra khỏi Hội Đồng Quản Trị với lý do muốn tập trung cho công việc của bà.
- Các thành viên HĐQT khác không thay đổi so với năm 2006.

### ❖ Công tác điều hành quản lý sản xuất kinh doanh:

Xuất khẩu cá Tra, Basa tiếp tục tăng trưởng, tăng 65,17% về lượng, 42,27 % về kim ngạch so năm 2006. Chất lượng xuất khẩu được công ty đặt lên hàng đầu nhằm đảm bảo cho thương hiệu công ty ra thế giới, thể hiện nghiêm ngặt ngay từ khâu kiểm tra nguyên liệu đầu vào.

Mặc dù có sự tăng trưởng cao so năm 2006, nhưng Công ty vẫn chưa đạt được những chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch đã đề ra, cụ thể :

- Doanh thu thuần đạt 75,49% so kế hoạch đề ra năm 2007
- Lợi nhuận trước thuế đạt 92,57% so kế hoạch đề ra năm 2007
- Lợi nhuận sau thuế đạt 86,13% so kế hoạch đề ra năm 2007

Năm 2007 bên cạnh những thuận lợi vốn có của nguồn nguyên liệu không ngừng tăng lên mà thiên nhiên ưu đãi và con người của Đồng bằng sông Cửu Long đã dày công nuôi trồng khai thác, ngày càng đạt sản lượng nhiều hơn với chất lượng cao hơn, còn có những bất lợi phát sinh trong năm về thị trường như thị trường Nga tạm dừng nhập khẩu để xác định tiêu chuẩn cho sản phẩm cá Tra, Basa nhập khẩu trong 5 tháng làm ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu của ngành thủy sản Việt Nam. Trước tình hình đó, Công ty cổ phần Nam Việt cũng đã phấn đấu thực hiện kế hoạch đã đề ra, kết quả công ty đã xuất khẩu sang 65 nước, đạt 82.805 tấn sản lượng với kim ngạch xuất khẩu 181 triệu USD, giữ vững vị trí số 1 trong ngành thủy sản Việt Nam về kim ngạch xuất khẩu. Tuy vượt 17,96% về doanh thu và 36,53% về lợi nhuận so với năm 2006 nhưng so với kế hoạch năm 2007 chỉ đạt 75,49% doanh thu và 86,13% lợi nhuận.



## 10 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÁ TRA – BASA HÀNG ĐẦU NĂM 2007

STT	Doanh nghiệp	Khối lượng (Tấn)	Giá trị (USD)
1	NAVICO	82.805	181.081.619
2	HV CO	34.898	81.523.337
3	VĨNH HOÀN CORP	23.643	73.577.753
4	AGIFISH CO	20.600	55.478.992
5	CL – FISH CORP	12.660	31.803.593
6	ANVIFISH	10.919	29.327.911
7	THUAN HUNG CO	8.851	26.143.043
8	CASEAMEX	9.210	26.020.731
9	THIMACO	9.507	22.812.266
10	Q.V.D FOOD CO	6.696	20.040.517

Sản phẩm cá tra, basa ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thị trường thế giới. Từ đó, trong nước ngày càng có nhiều Công ty chế biến thủy sản ra đời, tạo nên sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong và ngoài nước.

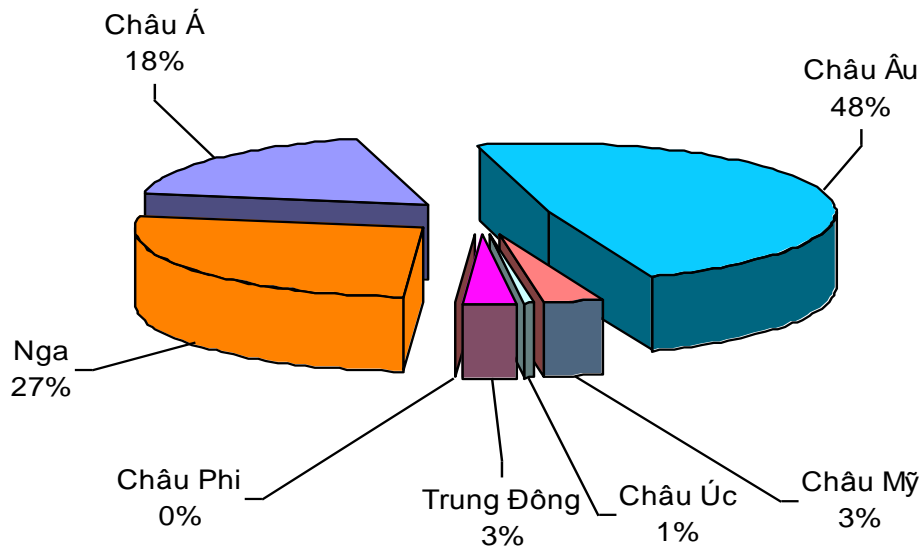
Về nguyên liệu cá đầu vào tại đồng bằng sông Cửu Long đã vượt lên trên 1 triệu tấn/năm, chất lượng cá nuôi được cải thiện qua thời gian, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu trên các thị trường.

Công ty cổ phần Nam Việt vừa củng cố phát triển các thị trường truyền thống, đồng thời không ngừng mở sang các thị trường mới để mở rộng thị phần, tăng doanh thu và hiệu quả cho Công ty.

Công ty tiếp tục giữ vững vị trí xuất khẩu số 1 của mình với các thị trường Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Phi, Trung Đông. Riêng thị trường Nga công ty đã chiếm khoảng 70% thị phần sản lượng nhập khẩu cá tra, basa của nước Nga. Công ty đã phát triển thêm một số thị trường mới như Belarus, Bồ Đào Nha, Georgia, Malta, Montenegro, Rumani, Slovenia (Châu Âu), Kyrgyzstan (Châu Á), Aruba, Curacao, Chile (Châu Mỹ), Bahrain, Oman, Jordan (Trung Đông).

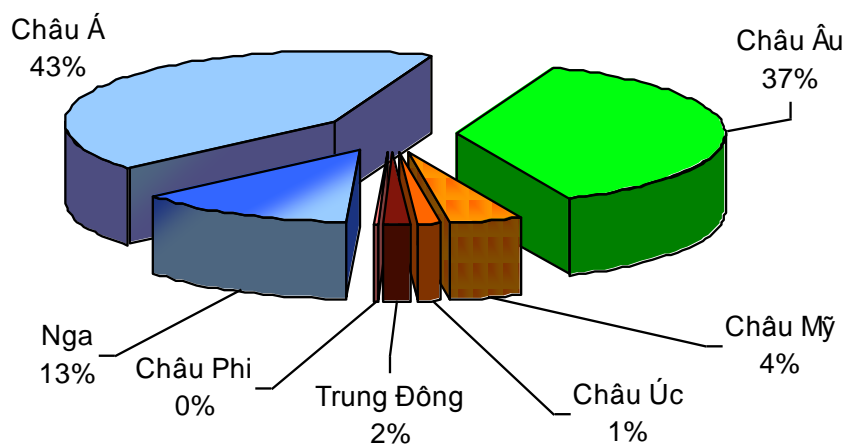
❖ Phân tích thị trường năm 2007 - Tỷ lệ % kim ngạch (USD)

**CƠ CẤU THỊ PHẦN XUẤT KHẨU 2007 (USD)**

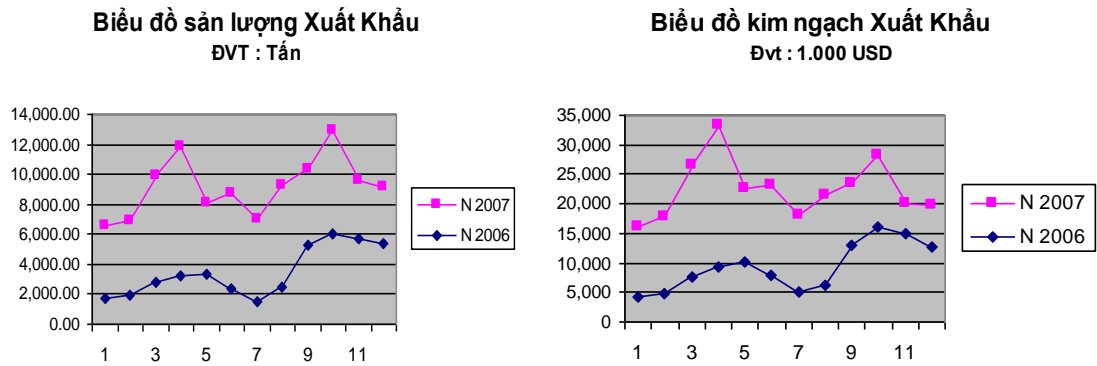


❖ Phân tích thị trường năm 2006 - Tỷ lệ % kim ngạch (USD)

**CƠ CẤU THỊ PHẦN XUẤT KHẨU NĂM 2006 (USD)**



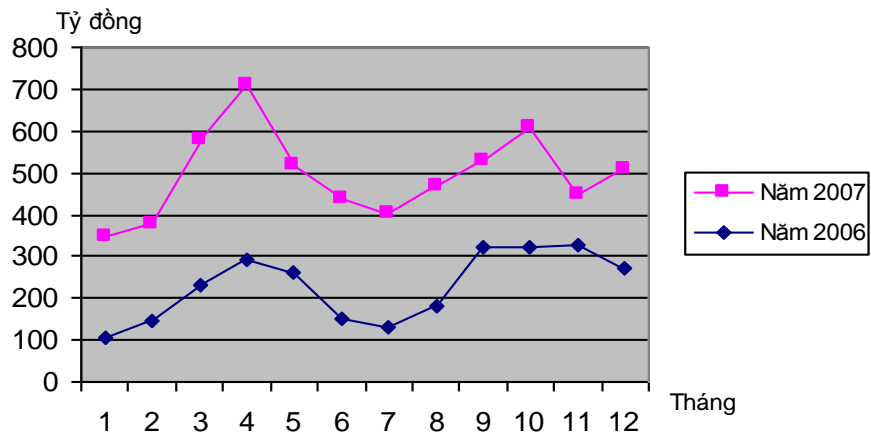
❖ **BIỂU ĐỒ SO SÁNH SẢN LƯỢNG VÀ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU**



Doanh thu xuất khẩu năm 2007 đạt 181 triệu USD, tăng 62,27% so năm 2006  
 Sản lượng xuất khẩu năm 2007 đạt 82.805 tấn, tăng 99,18 % so năm 2006

❖ **So sánh doanh số năm 2006 và 2007**

**DOANH THU BÁN HÀNG NĂM 2006 - 2007**



Doanh thu bán hàng năm 2007 đạt 3.200 tỷ đồng bằng 116,87% so năm 2006.

❖ **Hoạt động tài chính :**

Phát hành 6 triệu cổ phiếu trong năm, nâng tổng số cổ phiếu trong cả năm 2007 là 66 triệu cổ phiếu. Thặng dư vốn cổ phần là 612 tỷ đồng.

❖ **Thực hiện các dự án đầu tư**

Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Ấn Độ Dương

❖ **Các hoạt động khác**

Công ty thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của UBCK nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM. Công ty đã thiết kế trang web [www.navicorp.com.vn](http://www.navicorp.com.vn)

với nhiều thông tin về báo cáo tài chính các năm, thị trường xuất khẩu...

#### ❖ Chính sách đối với người lao động

Phân loại theo trình độ lao động	Năm 2006	Tỷ lệ %	Năm 2007	Tỷ lệ %
Trên đại học	1	0.02%	1	0.02%
Đại học	137	2.54%	163	3.52%
Cao đẳng, trung học	181	3.35%	289	6.24%
Lao động phổ thông	5,076	94.09%	4,180	90.22%
<b>Tổng lao động</b>	<b>5,395</b>	<b>100.00%</b>	<b>4,633</b>	<b>100.00%</b>

**Thu nhập bình quân:** 1.500.000 đồng/người/tháng

**Giải quyết chế độ chính sách :** Công ty giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định của nhà nước.

#### NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2007 CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

STT	Sự kiện nổi bật
1	Đầu tư xây dựng Công Ty TNHH Ấn Độ Dương, trong đó Nam Việt chiếm 100% vốn điều lệ
2	Phát hành 6 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 660 tỷ đồng
3	Mua 80 ha đất lập vùng nuôi

#### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2008

##### ❖ Thuận lợi

- ✓ Xu hướng ngày càng nhiều người tiêu dùng quan tâm đến lợi ích sức khỏe do nguồn thủy sản mang lại, đặc biệt là đến sản phẩm cá tra và basa sẽ làm cho sản lượng tiêu thụ mặt hàng này tiếp tục tăng cao. Với ưu thế về chất lượng và giá cả hợp lý trên thị trường thế giới cũng làm cho sản lượng xuất khẩu mặt hàng cá tra, basa tăng .
- ✓ Diện tích nuôi cá tra, basa ở Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục tăng sẽ là nguồn cung ứng nguyên liệu dồi dào phục vụ cho xuất khẩu.

##### ❖ Khó khăn

- ✓ Lạm phát tăng cao, tỷ giá đối với USD không thuận lợi, lợi nhuận trong hoạt động sản xuất thủy sản bị ảnh hưởng.
- ✓ Chi phí nuôi cá tăng cao xu hướng sẽ làm tăng giá thu mua cá dẫn đến chi phí sản xuất cá nguyên liệu tăng.

- ✓ Số lượng các nhà máy chế biến cá tra, basa xây dựng mới tiếp tục tăng, nhiều doanh nghiệp tham gia sản xuất, chế biến xuất khẩu sản phẩm này làm tăng áp lực cạnh tranh về nguồn nguyên liệu, lao động, giá cả, thị trường, hiệu quả kinh doanh, ...

#### ❖ **Các giải pháp thực hiện**

- ✓ Dự báo tình hình tiêu thụ năm 2008 sẽ tiếp tục tăng ở các thị trường Châu Âu, Châu Á, Châu Úc, Châu Phi, đặc biệt sẽ tăng mạnh ở thị trường Châu Mỹ và Trung Đông.
- ✓ Định hướng thị trường để có kế hoạch điều hành trên cơ cấu thị trường chung của ngành thủy sản.
- ✓ Trong tình hình lạm phát, giá cả tăng cao, Công ty đánh giá lại toàn bộ quy trình quản lý điều hành trong phân xưởng, hợp lý hoá quy trình sản xuất, phân tích kỹ chi phí trong cơ cấu giá thành để có biện pháp tiết giảm hợp lý, hạ giá thành sản phẩm.

#### ❖ **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008**

Thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về kế hoạch năm 2008 và chiến lược đến năm 2010 đảm bảo đáp ứng mục tiêu lâu dài giữ vững vị trí số 1 trong ngành thủy sản Việt Nam, căn cứ vào tình hình sản xuất, thị trường tiêu thụ, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết tâm điều hành thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2008 như sau:

- ✓ Đưa Công ty TNHH Ấn Độ Dương đi vào hoạt động có hiệu quả, tiếp tục duy trì sản xuất tại hai nhà máy hiện có là Nam Việt và Thái Bình Dương để nâng tổng công suất chế biến tất cả các nhà máy bình quân 1.000 tấn cá nguyên liệu/ngày ngay khi nhà máy Ấn Độ Dương đi vào hoạt động.
- ✓ Giữ vững, mở rộng thị trường hiện có, đồng thời phát triển thị trường mới sang các nước thuộc khối SNG, Nam Mỹ, Trung Đông, Châu Phi.
- ✓ Đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản cung cấp thức ăn cho vùng nuôi trong tương lai và bán cho bà con nông dân nuôi cá, tạo nên sự gắn kết chặt chẽ mối quan hệ giữa nhà máy và người dân.
- ✓ Đầu tư vùng nuôi cá sạch, tạo một chuỗi quy trình sản xuất từ con cá giống đến thức ăn chế biến và xuất khẩu nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.
- ✓ Tái cấu trúc bộ máy tham mưu giúp việc cho quản lý doanh nghiệp; tiếp nhận nguồn nhân lực có trình độ cao trong quản trị doanh nghiệp và đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý thông qua chương trình hợp tác với trường Đại học Nha Trang.

Các chỉ tiêu dự kiến như sau:

<i>CÁC CHỈ TIÊU</i>	<i>ĐVT</i>	<i>THỰC HIỆN NĂM 2007</i>	<i>KẾ HOẠCH NĂM 2008</i>
<b>1. CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG</b>		<b>136.507</b>	<b>163.000</b>
Sản lượng xuất khẩu, trong đó:		<b>82.805</b>	<b>92.000</b>
Mặt hàng đông lạnh	tấn	66.756	74.000
Mặt hàng phụ phẩm	tấn	16.049	18.000
Sản lượng tiêu thụ nội địa, trong đó:		<b>53.702</b>	<b>71.000</b>
Mặt hàng đông lạnh	tấn	12.846	17.000
Mặt hàng phụ phẩm	tấn	40.856	54.000
<b>2. CHỈ TIÊU KIM NGẠCH XUẤT KHẨU</b>			
Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD	181	200
<b>3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>			
Tổng doanh thu	tỷ đồng	3.193	3.840
Tổng chi phí		2.777	3.420
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	416	420
<b>4. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG</b>			
Tổng lao động ( người )	người	4.633	13.500
Lương bình quân người/tháng	đồng/tháng	1.500.000	1.600.000

❖ **Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2008**

- ✓ Đẩy mạnh sản xuất tạo lượng sản phẩm có chất lượng cao đủ đáp ứng cho nhu cầu thị trường, thực hiện phương châm “**Chất lượng ưu tiên hàng đầu**”.
- ✓ Thành lập bộ phận nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm mới từ con cá tra, cá basa để vừa phát triển thêm thị trường mới tại các nước có tiềm năng, vừa nghiên cứu thị trường trong nước để khi có điều kiện đẩy mạnh sản phẩm thích hợp phục vụ cho thị trường trong nước.
- ✓ Trong tình hình lạm phát, giá cả tăng cao, các chi phí đầu vào tăng nhanh, năm 2008 tiếp tục thực hiện chính sách tiết kiệm, hợp lý hoá quy trình cắt giảm tối đa chi phí
- ✓ Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ trong quản lý.

# **TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

## I. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### o Cơ cấu bộ máy tổ chức:

#### - Trụ sở chính Công ty Cổ phần Nam Việt :

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo - Mỹ Quý – Long Xuyên – An Giang

Điện thoại : 076.834.060/ 932.486 Fax: 076.834.090

#### - Nhà máy đông lạnh thủy sản Nam Việt

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo - Mỹ Quý – Long Xuyên – An Giang

Điện thoại : 076.834.060/ 932.486 Fax: 076.834.090

#### - Nhà máy đông lạnh thủy sản Thái Bình Dương

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo - Mỹ Quý – Long Xuyên – An Giang

Điện thoại : 076.834.060/ 932.486 Fax: 076.834.090

#### - Nhà máy đông lạnh thủy sản Ấn Độ Dương

Địa chỉ : Trung Tâm CN-TTCN Thốt Nốt, Cần Thơ

Điện thoại : 0710.648.183 Fax: 0710.648.185

### o Nhân sự :

➤ Tổng số lao động cuối kỳ : 4.633

➤ Lao động có trình độ chuyên môn:

✓ Trên Đại học : 1

✓ Đại học : 163

✓ Cao đẳng, trung học: 289

✓ Lao động phổ thông : 4.180

## II. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Ông DOÃN TỚI - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **DOÃN TỚI**
- Ngày tháng năm sinh: 20/06/1954
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Số cổ phiếu nắm giữ: 29.950.000 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

Con là ông Doãn Chí Thanh, Thành viên HĐQT, trợ lý Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt số lượng cổ phần nắm giữ: 9.000.000 cổ phần.



## **2. Bà DƯƠNG THỊ KIM HƯƠNG : Phó Tổng Giám Đốc**

- Họ và tên: **DƯƠNG THỊ KIM HƯƠNG**
- Ngày tháng năm sinh: 01/04/1965
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:
  - Chồng là ông Doãn Tới, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt số lượng cổ phần nắm giữ: 29.950.000 cổ phần.
  - Con là ông Doãn Chí Thanh, Thành viên HĐQT, trợ lý Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt số lượng cổ phần nắm giữ: 9.000.000 cổ phần.

## **3. Ông NGUYỄN DUY NHÚT : Giám Đốc Tài Chính**

- Họ và tên: **NGUYỄN DUY NHÚT**
- Ngày tháng năm sinh: 24/05/1960
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Số cổ phiếu nắm giữ : 10.000 cổ phiếu

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

## **4. Ông ĐỖ LẬP NGHIỆP : Giám Đốc Sản xuất**

- Họ và tên: **ĐỖ LẬP NGHIỆP**
- Ngày tháng năm sinh: 05/08/1975
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành thủy sản
- Số cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

#### **5. Ông DOÃN QUỐC XÃ : Giám đốc Cơ khí – Cơ điện.**

- Họ và tên: **DOÃN QUỐC XÃ**
- Ngày tháng năm sinh: 17/07/1957
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Số cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

Anh ruột là ông Doãn Tới, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt số lượng cổ phần nắm giữ: 29.950.000 cổ phần.

#### **6. Ông NGUYỄN THỪA BỬU : Giám Đốc Kỹ Thuật**

- Họ và tên: **NGUYỄN THỪA BỬU**
- Ngày tháng năm sinh: 20/06/1976
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành thủy sản
- Số cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

#### **7. Ông ĐẶNG VĂN ĐIỀN : Giám Đốc Xuất Nhập Khẩu**

- Họ và tên: **ĐẶNG VĂN ĐIỀN**
- Ngày tháng năm sinh: 17/09/1968
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn
- Số cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

## 8. Ông DOÃN VĂN NHO: Kế toán trưởng

- Họ và tên : DOÃN VĂN NHO
- Năm sinh : 1980
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán Tài chính
- Số cổ phiếu nắm giữ : 2.000 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

### ❖ Quyền lợi của Ban Giám đốc năm 2007

- ✓ Tổng tiền lương: 2.009.900.000 đồng
- ✓ Tổng tiền thưởng: 272.145.000 đồng
- ✓ Các quyền lợi khác: không

### a. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

<i>Phân loại theo trình độ</i>	<i>Năm 2006</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
Trên đại học	1	0.02%	1	0.02%
Đại học	137	2.54%	163	3.52%
Cao đẳng, trung học	181	3.35%	289	6.24%
Lao động phổ thông	5,076	94.09%	4,180	90.22%
<b>Tổng lao động</b>	<b>5,395</b>	<b>100.00%</b>	<b>4,633</b>	<b>100.00%</b>

### ➤ *Chính sách đối với người lao động :*

- *Mục tiêu chung: Công ty xác định nhân sự là yếu tố quyết định mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Mọi thành viên trong tổ chức được tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực đóng góp của mình cho Công ty.*
- *Dựa trên trình độ và năng lực thực tế của từng cán bộ nhân viên đối chiếu với thang bảng lương do Công ty xây dựng để xác định tiền lương của từng người, đối với công nhân hưởng lương theo sản phẩm căn cứ vào đơn giá / 1 đơn vị sản phẩm, khối lượng sản phẩm thực hiện và thời gian lao động để thanh toán lương cho từng người lao động*
- *Việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của nhà nước*

- Công ty chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân trong những khi có ma chay, cưới hỏi
- Để tạo điều kiện cho cán bộ, kỹ sư công nhân, công ty trang bị khu nhà ở tập thể để ổn định đời sống

➤ *Chính sách tuyển dụng và đào tạo cán bộ*

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Công ty còn liên kết với các trường đại học (Trường Đại học Thủy sản Nha Trang), Cao Đẳng Kỹ thuật để tuyển dụng những cán bộ trẻ có năng lực và tay nghề cao bổ sung vào nguồn nhân lực của Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là kỹ năng về HACCP, GMP và SQF; kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại nhà máy sản xuất.

❖ **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:**

- Trong năm 2007 Hội Đồng Quản Trị đã đồng ý cho Bà Dương Thị Kim Hương xin rút tên ra khỏi Hội Đồng Quản Trị với lý do muốn tập trung thời gian cho công việc của bà.
- Chấp thuận đơn xin nghỉ việc của bà Dương Thị Kim Loan từ ngày 30/06/2007.
- Bổ nhiệm Ông Doãn Nho làm kế toán trưởng từ 01/07/2007 thay cho Bà Dương Thị Kim Loan xin nghỉ việc.
- Chấp thuận đơn từ chức trưởng ban kiểm soát và xin ra khỏi ban kiểm soát của Ông Doãn Nho từ ngày 30/06/2007.
- Bổ nhiệm bà Đỗ Thị Thảo thành viên ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát.

**THÔNG TIN CỔ ĐÔNG  
VÀ  
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

## I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### ❖ Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên : 07 người, Trong đó: Thành viên bên trong : 07 người

Thành viên bên ngoài : 0 người

Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1. Doãn Tới	Chủ tịch HĐQT	18/09/2006	
2. Doãn Chí Thanh	Thành viên HĐQT	18/09/2006	
3. Nguyễn Duy Nhứt	Thành viên HĐQT	18/09/2006	
4. Đặng Văn Điền	Thành viên HĐQT	18/09/2006	
5. Nguyễn Thừa Bửu	Thành viên HĐQT	18/09/2006	
6. Doãn Quốc Xã	Thành viên HĐQT	18/09/2006	
7. Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên HĐQT	18/09/2006	

### ❖ Ban Kiểm soát:

#### ○ Bà ĐỖ THỊ THẢO - Trưởng ban Kiểm soát

- Họ và tên: ĐỖ THỊ THẢO
- Ngày tháng năm sinh: 04/07/1980
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Số cổ phiếu nắm giữ: 2.000 cổ phiếu

#### ○ Ông NGUYỄN VIỆT LUẬN – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: NGUYỄN VIỆT LUẬN
- Năm sinh: 1977
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Tài chính
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

### **Ban Giám đốc đồng thời là thành viên của Hội đồng quản trị**

<b>DOÃN TỐI</b>	<b>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc</b>
<b>NGUYỄN DUY NHÚT</b>	<b>Giám đốc Tài chính</b>
<b>ĐẶNG VĂN ĐIỀN</b>	<b>Giám đốc Xuất nhập khẩu</b>
<b>NGUYỄN THỪA BỬU</b>	<b>Giám đốc Kỹ thuật</b>
<b>ĐỖ LẬP NGHIỆP</b>	<b>Giám đốc Sản xuất</b>
<b>DOÃN QUỐC XÃ</b>	<b>Giám đốc Cơ khí – Cơ điện</b>

#### **❖ Hoạt động của HĐQT**

- Nhìn chung các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đều là những cán bộ có trình độ, kinh nghiệm với tinh thần trách nhiệm và quyết tâm cao đã thực hiện tốt nhiệm vụ đã được phân công cụ thể cho từng người, có những quyết sách đúng đắn đem lại hiệu quả cao cho Công ty.
- Cùng với hệ thống điều hành xây dựng và hoàn thiện bộ máy của Công ty đáp ứng với điều kiện của Công ty trong giai đoạn mới.
- Duy trì sự ổn định sản xuất kinh doanh và tìm kiếm các cơ hội đầu tư, sản xuất kinh doanh mới cho Công ty trong các năm tiếp theo.

#### ***Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2007***

- Hầu hết các thành viên trong Ban Giám Đốc là thành viên của HĐQT nên việc triển khai thực Nghị quyết của HĐQT được nhanh chóng, thuận lợi, tuy nhiên điều kiện công việc nặng nề hàng ngày của từng thành viên nên việc hội thảo những đề án lớn như chiến lược phát triển công ty đến năm 2012, đề án về quản trị doanh nghiệp chưa được sâu sát

#### **❖ Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Trong năm 2007 ngoài tiền lương Công ty không chi thù lao và các khoản lợi ích khác cho Ban kiểm soát.

- ❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Số lượng CP</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Thay đổi</i>
1. Doãn Tới	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	29,950,000	45.38%	Không
2. Doãn Chí Thanh	Thành viên	9,000,000	13.64%	Không
3. Nguyễn Duy Nhứt	Thành viên	10,000	0.02%	Không
4. Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	10,000	0.02%	Không
5. Đặng Văn Điền	Thành viên	10,000	0.02%	Không
6. Nguyễn Thừa Bửu	Thành viên	10,000	0.02%	Không
7. Doãn Quốc Xã	Thành viên	10,000	0.02%	Không

- ❖ Trong năm 2007 những thành viên trong HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát không có giao dịch cổ phiếu của công ty



## II. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

### 1. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước :	0	0%
2. Cổ đông đặc biệt :	<b>39.004.000</b>	<b>59,10%</b>
- Cổ đông sáng lập	38.960.000	59,03%
- Cổ đông HĐQT	40.000	0,06%
- Ban Giám đốc	0	-
- Ban Kiểm soát	2.000	0,00%
- Kế toán trưởng	2.000	0,00%
3. Cổ đông – Cán bộ CNV trong Công ty	<b>207.908</b>	<b>0,32%</b>
4. Cổ đông ngoài Công ty	<b>26.788.092</b>	<b>40,59%</b>
a. Cổ đông trong nước	<b>14.349.812</b>	<b>21,74%</b>
- Tổ chức (*)	2.802.892	4,25%
- Cá nhân	11.546.920	17,50%
b. Cổ đông ngoài nước	<b>12.438.280</b>	<b>18,85%</b>
- Tổ chức	12.398.360	18,79%
- Cá nhân	39.920	0,06%

*Ghi chú: Trong (\*) đã bao gồm số lượng 332.970 cp quỹ của Navico*

### 2. Tình hình giao dịch liên quan đến cổ đông lớn:

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty (Tính đến ngày 01/04/2008)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ (%)
1	Doãn Tới	21A Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, An Giang	29.950.000	45,38%
2	Doãn Chí Thanh	21A Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, An Giang	9.000.000	13,64%



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **I. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các cổ đông  
Công ty Cổ phần Nam Việt và các công ty con**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nam Việt (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất liên quan, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 3 đến trang 36. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày thành lập 2 tháng 10 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 chưa được kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của ban lãnh đạo Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam  
Giấy phép đầu tư số: 863/GP  
Báo cáo kiểm toán số: 07-01-160

*(Đã ký và đóng dấu)*  
Chong Kwang Puay  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

*(Đã ký)*  
Hà Vũ Định  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

## II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.657.433.508</b>	<b>920.577.186</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>0</b>	<b>266.442.925</b>	<b>85.916.204</b>
Tiền	111		266.442.925	85.916.204
<b>Các khoản phải thu – ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>0</b>	<b>1.118.457.833</b>	<b>625.429.258</b>
Khoản phải thu – thương mại	131		344.848.160	420.301.450
Trả trước cho người bán	132		28.850.722	9.168.163
Phải thu nội bộ	133		743.769.761	186.131.637
Phải thu khác	135		10.137.057	15.148.540
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	139		(9.147.867)	(5.320.532)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>0</b>	<b>231.499.493</b>	<b>196.905.352</b>
Hàng tồn kho	141		231.499.493	196.905.352
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.033.257</b>	<b>12.326.372</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.310.192	673
Tài sản ngắn hạn khác	158	0	28.723.065	12.325.699
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>686.538.895</b>	<b>184.943.928</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>482.804.397</b>	<b>159.220.305</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	0	113.048.417	119.781.078
<i>Nguyên giá</i>	222		199.596.444	178.432.993
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(86.548.027)	(58.651.915)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	0	-	22.015.857
<i>Nguyên giá</i>	225		-	24.503.673
<i>Khấu hao lũy kế</i>	226		-	(2.487.816)

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Tài sản cố định vô hình	227	0	16.242.606	11.981.697
<i>Nguyên giá</i>	228		16.332.506	12.105.017
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(89.900)	(123.320)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	0	353.513.374	5.441.673
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>0</b>	<b>178.410.000</b>	<b>10.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		178.410.000	10.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.324.498</b>	<b>25.713.623</b>
Tài sản thuê hoãn lại	262	0	1.807.596	1.160.637
Tài sản dài hạn khác	268		23.516.902	24.552.986
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.343.972.403</b>	<b>1.105.521.114</b>

NGUỒN VỐN				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>651.568.743</b>	<b>375.603.728</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>551.561.769</b>	<b>319.375.353</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	0	117.664.000	187.683.761
Phải trả người bán	312		58.180.036	90.449.942
Tạm ứng từ khách hàng	313		3.966.770	2.556.502
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	0	26.213.874	3.751.475
Phải trả người lao động	315		7.284.018	7.226.036
Chi phí phải trả	316	0	8.640.916	6.000.000
Phải trả nội bộ	317	0	242.997.395	10.326.049
Phải trả khác	319	0	86.614.760	11.381.588
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.006.974</b>	<b>56.228.375</b>
Vay và nợ dài hạn	334	0	99.719.803	55.942.532
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	0	287.171	285.843

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.692.403.660</b>	<b>729.917.386</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.683.764.738</b>	<b>729.527.864</b>
Vốn cổ phần	411	0	660.000.000	600.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		611.965.459	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.130.471	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		410.668.808	129.527.864
<b>Quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>8.638.922</b>	<b>389.522</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		8.638.922	389.522
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.343.972.403</b>	<b>1.105.521.114</b>

Người lập

Người duyệt

Doãn Văn Nho  
*Kế toán trưởng*

Doãn Tới  
*Tổng Giám đốc*

Ngày 31 tháng 3 năm 2008

### III. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ'000	QIV/2006 VNĐ'000
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>0</b>	<b>3.200.352.091</b>	<b>918.746.645</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>0</b>	<b>(6.914.825)</b>	<b>(12.602.927)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>3.193.437.266</b>	<b>906.143.718</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>(2.482.976.103)</b>	<b>(693.100.704)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>710.461.163</b>	<b>213.043.014</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	0	64.769.470	5.162.337
Chi phí hoạt động tài chính	22	0	(41.518.466)	(5.787.182)
Chi phí bán hàng	24		(276.741.703)	(76.759.581)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(44.885.364)	(10.035.481)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>412.085.100</b>	<b>125.623.107</b>
<b>Kết quả của các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	0	21.134.295	48.428.208
Chi phí khác	32	0	(16.647.392)	(45.194.088)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>416.572.003</b>	<b>128.857.227</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>0</b>	<b>(46.878.018)</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>0</b>	<b>646.959</b>	<b>1.160.637</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>370.340.944</b>	<b>130.017.864</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>VNĐ5.953</b>	<b>VNĐ2.167</b>

Người lập

Người duyệt

Doãn Văn Nho  
Kế toán trưởng

Doãn Tới  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2008

### III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ'000	QIV/2006 VNĐ'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>416.572.003</b>	<b>128.857.227</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		29.552.102	7.896.509
Dự phòng	03		3.827.335	2.661.674
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(337.089)	(1.560.807)
Chi phí lãi vay	06		22.534.758	4.229.938
Thu nhập lãi tiền gửi	07		(55.161.542)	(2.518.957)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>416.987.567</b>	<b>139.565.584</b>
Tăng các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(277.073.606)	(83.393.970)
Tăng hàng tồn kho	10		(34.594.141)	(71.048.127)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ khác	11		186.617.479	(77.277.736)
			<b>291.937.299</b>	<b>(92.154.249)</b>
Chi phí lãi vay đã trả	13		(22.534.758)	(4.229.938)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(24.150.914)	-
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>245.251.627</b>	<b>(96.384.187)</b>



	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ'000	QIV/2006 VNĐ'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(366.782.278)	(19.394.532)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		13.983.173	46.720.780
Giảm/(tăng) tài sản dài hạn khác	23		1.036.084	(302)
Tăng đầu tư dài hạn	24		(178.400.000)	-
Thu từ lãi tiền gửi	27		55.161.542	2.518.957
Khoản vay cho các bên liên quan	28		(1.503.179.077)	-
Khoản vay được hoàn lại	29		1.254.689.888	-
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(723.490.668)</b>	<b>29.844.903</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Thu từ vốn	31		671.965.459	90.500.000
Thu từ vay ngắn và dài hạn	33		1.498.463.092	66.200.369
Chi trả nợ gốc và nợ thuê tài chính	34		(1.511.140.537)	(23.121.269)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>659.288.014</b>	<b>133.579.100</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>181.048.973</b>	<b>67.039.816</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>85.916.204</b>	<b>-</b>
<b>Tiền mặt chuyển từ công ty TNHH</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>18.876.388</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>62</b>		<b>(522.252)</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>266.442.925</b>	<b>85.916.204</b>

Người lập

Người duyệt

Doãn Văn Nho  
Kế toán trưởng

Doãn Tới  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2008

## **IV. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Hoạt động chính**

Công ty cổ phần Nam Việt (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; nuôi cá, sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; sản xuất bao bì giấy, in bao bì các loại, sản xuất dầu bio-diesel; chế biến dầu cá và bột cá; sản xuất keo gentaline và glycerine theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000050 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 2 tháng 10 năm 2006 và được điều chỉnh vào ngày 5 tháng 10 năm 2006 và ngày 18 tháng 8 năm 2007 (sau đây được gọi là “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”).

Công ty được thành lập từ việc chuyển thể Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Việt, một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam thành công ty cổ phần vào ngày 2 tháng 10 năm 2006. Tất cả tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt được chuyển giao sang Công ty theo giá trị ghi sổ tại ngày chuyển thể.

Tổng số vốn pháp định của Công ty được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 600.000.000.000 VNĐ. Sau ngày lập bảng cân đối kế toán, tổng số vốn pháp định của Công ty tăng từ 600.000.000.000 VNĐ lên 660.000.000.000 VNĐ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 18 tháng 8 năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 liên quan đến Công ty và công ty con, Công ty TNHH Ấn Độ Dương và Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy sản Nam Việt (gọi chung là “Tập đoàn”).

## Chi tiết của các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	Sở hữu vốn pháp định bởi Công ty	
			% sở hữu trong giấy phép của công ty con	Số tiền VND'000
Công ty TNHH Ân Độ Dương	Chăn nuôi thủy sản, sản xuất bao bì giấy, chế biến dầu cá và bột cá, sản xuất keo gentaline, glycerine và dầu bio-diesel	Số 5704000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 10 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh	100%	36.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy sản Nam Việt	Hoạt động đầu tư trực tiếp, gián tiếp; đầu tư thực hiện việc sát nhập và mua lại doanh nghiệp	Số 5203000073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007	55,4%	277.000.000

Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy sản Nam Việt, bao gồm Công ty, chưa góp đủ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy sản Nam Việt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty có 4.633 nhân viên (2006: 5.395 nhân viên).

## 2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

### a. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng ngàn Đồng Việt Nam ("VND'000"), được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được áp dụng một cách nhất quán bởi Tập đoàn và nhất quán với chính sách sử dụng trong những năm trước.

Sổ sách kế toán của Tập đoàn được lập dựa theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

### b. Cơ sở của hợp nhất báo cáo tài chính

#### (i) Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu quyền kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

### **(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Số dư giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ phải được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### **c. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **d. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động thì được hạch toán vào Tài Khoản Chênh Lệch Tỷ Giá thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi hoạt động kinh doanh bắt đầu và các tài sản cố định hữu hình được đưa vào sử dụng. Khi hoạt động kinh doanh bắt đầu và các tài sản cố định hữu hình được đưa vào sử dụng, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản Chi phí Trả trước Dài Hạn. Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

### **e. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

### **f. Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư ký quỹ ngắn hạn, các công cụ nợ và vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp mà Tập Đoàn không kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư như được xác định trong trường hợp chưa lập dự phòng.

### **g. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### **h. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái

hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **i. Tài sản cố định hữu hình**

### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà xưởng 5 – 25 năm
- thiết bị văn phòng 5 – 10 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 7 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 7 năm

## **j. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu trong các điều khoản của hợp đồng Công ty chấp nhận phần lớn tất cả các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao tài sản thuê được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê nhất quán với thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(i)(ii).

## **k. Tài sản cố định vô hình**

### **(i) Quyền sử dụng đất lâu dài**

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không được trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất.

## **(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

## **l. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

## **m. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

## **n. Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

## **o. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

## **p. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm căn cứ vào quyết định của các cổ đông. Quỹ này được dùng để loại trừ các khoản tiền thưởng và quỹ phúc lợi phải trả cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản phải trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **q. Doanh thu**

### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

### **r. Các khoản thanh toán về thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán về thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

### **s. Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

### **t. Các công ty liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

### **u. Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

### **v. Báo cáo bộ phận**

Là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm và dịch vụ (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Cách trình bày chủ yếu của Tập đoàn về báo cáo bộ phận dựa vào bộ phận theo khu vực địa lý.

### **w. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Tiền mặt	42.594.700	14.847.528
Tiền gửi ngân hàng	223.848.225	71.068.676
Tiền và các khoản tương đương tiền	266.442.925	85.916.204

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm trong tiền có số tiền khác VNĐ tương đương 56.941 triệu VNĐ (2006: 60.773 triệu).

### 4. Khoản phải thu – ngắn hạn

Khoản phải thu nội bộ bao gồm:

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
<b>Phải thu từ các công ty liên quan</b>		
Thương mại	217.996.487	126.671.637
Phi thương mại	525.773.274	59.460.000
<b>Tổng</b>	<b>743.769.761</b>	<b>186.131.637</b>

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và không có thời hạn hoàn trả ấn định, ngoại trừ 377.949 triệu VNĐ (2006: 59.460 triệu VNĐ) chịu lãi suất tháng từ 1% đến 1,2% (2006: 1%) trong năm.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Các khoản cho vay phải thu (a)	5.321.161	12.182.592
Các khoản phải thu khác	4.815.896	2.965.948
<b>Tổng</b>	<b>10.137.057</b>	<b>15.148.540</b>

- a. Khoản phải thu này thể hiện các khoản cho nhân viên vay không được bảo đảm và chịu lãi suất tháng là 1% (2006: 1.5%) trong năm.



Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>2007 VNĐ'000</b>	<b>QIV/2006 VNĐ'000</b>
Số dư đầu năm	5.320.532	-
Chuyển từ công ty Trách nhiệm hữu hạn	-	6.493.015
Tăng dự phòng trong kỳ	3.827.335	2.661.674
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(3.834.157)
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	9.147.867	5.320.532

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 toàn bộ các khoản phải thu (2006: toàn bộ) đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

## **5. Hàng tồn kho**

	<b>2007 VNĐ'000</b>	<b>2006 VNĐ'000</b>
Hàng mua đang đi đường	1.333.742	-
Nguyên vật liệu	7.898.246	10.504.760
Công cụ và dụng cụ	5.734.139	566.352
Sản phẩm dở dang	163.645	98.308
Thành phẩm	133.183.694	185.735.932
Hàng tồn kho	83.186.027	-
<b>Tổng</b>	<b>231.499.493</b>	<b>196.905.352</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ được mang sang là 120.000 triệu VNĐ (2006: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

## 6. Tài sản ngắn hạn khác

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Tạm ứng	28.723.065	12.325.699

## 7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Máy móc và thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	72.708.589	2.854.035	91.699.021	11.171.348	178.432.993
Tăng trong năm	-	3.235.908	7.991.726	2.906.860	14.134.494
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	-	24.521.477	-	24.521.477
Thanh lý	(13.585.784)	-	(1.853.977)	-	(15.439.761)
Xóa sổ	-	(35.371)	(1.902.888)	(114.500)	(2.052.759)
Phân loại lại	-	(1.128.444)	921.000	207.444	-
Số dư cuối năm	59.122.805	4.926.128	121.376.359	14.171.152	199.596.444
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	24.460.317	1.131.427	30.785.801	2.422.370	58.651.915
Khấu hao trong năm	9.281.639	1.682.640	15.804.735	2.112.684	28.881.698
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	3.073.722	-	3.073.722
Thanh lý	(1.797.559)	-	(430.927)	-	(2.228.486)
Xóa sổ	-	(33.888)	(1.564.360)	(232.574)	(1.830.822)
Phân loại lại	-	(877.351)	578.574	298.777	-
Số dư cuối năm	31.944.397	1.902.828	48.099.545	4.601.257	86.548.027
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư cuối năm	27.178.408	3.023.300	73.276.814	9.569.895	113.048.417
Số dư đầu năm	48.248.272	1.722.608	61.061.220	8.748.978	119.781.078

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có số tài sản với nguyên giá là 18.743 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 (2006: 6.006 triệu VNĐ) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ được mang sang là 32.942 triệu VNĐ (2006: 64.832 triệu) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

## 8. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	<b>Máy móc và thiết bị VNĐ'000</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	24.503.673
Tăng trong năm	17.804
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.521.477)
Số dư cuối năm	-
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	2.487.816
Khấu hao trong năm	585.906
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.073.722)
Nguyên giá	-
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư cuối năm	-
Số dư đầu năm	22.015.857

## 9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu đài VNĐ'000	Phần mềm vi tính VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	11.683.972	421.045	12.105.017
Tăng trong năm	23.100	58.284	81.384
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.500.933	-	4.500.933
Xóa sổ	(24.037)	(330.791)	(354.828)
Số dư cuối năm	16.183.968	148.538	16.332.506
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	123.320	123.320
Khấu hao trong năm	-	84.498	84.498
Xóa sổ	-	(117.918)	(117.918)
Số dư cuối năm	-	89.900	89.900
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	16.183.968	58.638	16.242.606
Số dư đầu năm	11.683.972	297.725	11.981.697

## 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2007 VNĐ'000	QIV/2006 VNĐ'000
Số dư đầu năm	5.441.673	-
Chuyển từ công ty TNHH	-	2.647.018
Tăng trong kỳ	352.572.634	2.794.655
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.500.933)	-
Số dư cuối năm	353.513.374	5.441.673

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 106.755 triệu VNĐ (2006: không) đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH Ân Độ Dương, một công ty con. Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 chi

phí vay được vốn hóa trong xây dựng cơ bản dở dang tương đương 653 triệu VNĐ (2006: bằng không).

## 11. Các khoản đầu tư

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Đầu tư dài hạn vào:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Mỹ Xuyên	135.000.000	-
▪ Quỹ Phát triển Việt Long	20.200.000	-
▪ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	20.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không	3.200.000	-
Trái phiếu kho bạc dài hạn	10.000	10.000
<b>Tổng</b>	<b>178.410.000</b>	<b>10.000</b>

## 12. Tài sản và nợ thuế hoãn lại

### (i) Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Dự phòng	943.504	560.637
Trích trước	864.092	600.000
<b>Tổng</b>	<b>1.807.596</b>	<b>1.160.637</b>

Các khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ không hết hiệu lực theo luật thuế hiện hành.

### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Vay ngắn hạn		
Khoản vay 1 từ VCB – Chi nhánh An Giang (a)	-	35.800.000
Khoản vay 2 từ BIDV – Chi nhánh An Giang (b)	-	119.816.735
Khoản vay 3 từ Hội sở chính ACB (c)	-	10.403.640
Khoản vay 4 từ Sacombank – Tp. Hồ Chí Minh (d)	100.000.000	-
Các nguồn khác	-	485.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	17.664.000	17.664.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	3.514.386
<b>Tổng</b>	<b>117.664.000</b>	<b>187.683.761</b>

- a. Khoản vay 1 được bảo đảm bởi quyền sử dụng đất riêng của Ông Doãn Tới, Tổng Giám Đốc và cổ đông. Khoản vay này chịu lãi suất năm 10,32% (2006: 10,8%) trong kỳ.
- b. Khoản vay 2 được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 là 26.143 triệu VNĐ, tài khoản tiền gửi tại ngân hàng BIDV – Chi nhánh An Giang, các ngân hàng khác và các tổ chức tài chính, và các khoản thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 6,15% (2006: 6%) trong năm.
- c. Khoản vay 3 được bảo đảm bởi Ông Doãn Tới, Tổng Giám Đốc và cổ đông, Bà Dương Thị Kim Hương, Phó Tổng Giám Đốc và cổ đông, và hàng tồn kho có giá trị 120.000 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 6,36% (2006: 6,36%) trong năm.
- d. Khoản vay 4 được bảo đảm bởi chín triệu cổ phần trong Công ty của Ông Doãn Chí Thanh và chịu lãi suất năm là 9,72% trong năm.

#### 14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
<b>Thuế</b>		
Thuế giá trị gia tăng	2.509.486	3.035.171
Thuế xuất nhập khẩu	953.534	665.173
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.727.104	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.750	42.587
Thuế khác	-	8.544
<b>Tổng</b>	<b>26.213.874</b>	<b>3.751.475</b>

#### 15. Chi phí phải trả

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Lương tháng 13	8.640.916	6.000.000

#### 16. Phải trả nội bộ

Các khoản phải trả nội bộ là các khoản thương mại phải trả cho các công ty liên quan.

#### 17. Phải trả khác

Phải trả khác bao gồm:

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Mua hàng chưa nhận được hóa đơn	3.641.863	4.953.781
Bảo hiểm xã hội	526.227	481.667
Bảo hiểm y tế	78.077	67.309
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.450.122
Cổ tức phải trả	79.200.000	-
Khoản phải trả khác	3.168.593	3.428.709
<b>Tổng</b>	<b>86.614.760</b>	<b>11.381.588</b>

## 18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	<b>Trợ cấp thôi việc VND'000</b>
Số dư đầu năm	285.843
Trích lập dự phòng trong năm	90.989
Sử dụng dự phòng trong năm	(89.661)
Số dư cuối năm	287.171

### *Trợ cấp thôi việc*

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi một nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên và tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó theo số năm làm việc của người đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được tính trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

## 19. Vay và nợ dài hạn

	<b>2007 VND'000</b>	<b>2006 VND'000</b>
Vay dài hạn		
Quỹ hỗ trợ An Giang (a)	42.665.133	60.329.133
Ngân hàng An Bình (b)	74.718.670	-
Nợ thuê tài chính	-	16.791.785
<b>Tổng</b>	<b>117.383.803</b>	<b>77.120.918</b>
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(17.664.000)	(21.178.386)
Hoàn trả sau 12 tháng	99.719.803	55.942.532

- a. Khoản vay này được bảo đảm bởi khoản ký quỹ cố định 23.400 triệu VNĐ (2006: 23.400 triệu VNĐ) và tài sản có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 32.942 triệu VNĐ (2006: 38.689 triệu VNĐ) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 5,4% (2005: 5,4%) trong năm.



- b. Khoản vay này được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 106.755 triệu VNĐ (2006: không) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 6,73% (2006: không) trong năm. Khoản vay này liên quan đến các khoản vay của công ty con và được bảo đảm bởi hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các khoản vay dài hạn sẽ được hoàn trả dựa vào hợp đồng vay theo lịch trình sau:

Năm hoàn trả	VNĐ'000
2008	17.664.000
2009	32.607.734
2010	22.280.867
2011	14.943.734
2012	14.943.734
2013	14.943.734
<b>Tổng</b>	<b>117.383.803</b>

## 20. Vốn góp

Vốn cổ phần của Công ty được duyệt và đã phát hành như sau:

	Ngày 31/12/2007		Ngày 31/12/2006	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	66.000.000	660.000.000	60.000.000	600.000.000
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	660.000.000	60.000.000	600.000.000

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000		Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Số dư đầu kỳ	60.000.000	600.000.000	-	-
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	6.000.000	60.000.000	60.000.000	600.000.000
Số dư cuối kỳ	66.000.000	660.000.000	60.000.000	600.000.000

## 21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	43.833.515	-
▪ Các ngân hàng	8.132.763	57.919
▪ Các bên khác	3.195.264	2.461.038
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.607.928	2.643.380
<b>Tổng</b>	<b>64.769.470</b>	<b>5.162.337</b>

## 22. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Chi phí lãi vay phải trả cho		
▪ Các bên liên quan	11.360.600	-
▪ Các ngân hàng	10.435.166	4.229.938
▪ Các bên khác	738.992	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.983.708	1.557.244
<b>Tổng</b>	<b>41.518.466</b>	<b>5.787.182</b>

### 23. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	13.983.173	46.720.780
Các khoản khác	7.151.122	1.707.428
<b>Tổng</b>	<b>21.134.295</b>	<b>48.428.208</b>

### 24. Chi phí khác

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được thanh lý và xóa sổ	13.646.084	45.159.973
Chi phí khác	3.001.308	34.115
<b>Tổng</b>	<b>16.647.392</b>	<b>45.194.088</b>

### 25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện tại	39.989.459	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.888.559	-
<b>Tổng</b>	<b>46.878.018</b>	<b>-</b>

<b>Chi phí/(thu nhập) thuế hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(646.959)	(1.160.637)
<b>Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>46.231.059</b>	<b>(1.160.637)</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	%	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VND'000	%	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
Lợi nhuận trước thuế		416.572.003		128.857.227
Thuế theo thuế suất thuế TNDN	20,0%	83.314.401	20,0%	25.771.445
Thu nhập nội bộ chịu thuế	0,4%	1.666.171	-	-
Thu nhập không chịu thuế	(0,1%)	(532.178)	-	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trong những năm trước	-	-	(1,0%)	(1.291.490)
Ảnh hưởng của việc miễn thuế	(10,8%)	(45.105.894)	(20,0%)	(25.640.592)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1,7%	6.888.559	-	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN	11,2%	46.231.059	(1,0%)	(1.160.637)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UN do Ủy ban Nhân Dân tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và Công Văn số 2657/CT.TTr2 do Cục Thuế tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế và được miễn thuế TNDN trong năm 2002 và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN kể từ năm 2003 đến 2006.

Công ty cũng được giảm 50% thuế TNDN trên các phần lợi nhuận từ doanh thu xuất khẩu nếu doanh thu xuất khẩu vượt năm trước.

Hơn nữa, Công ty cũng nhận được hưởng các ưu đãi thuế từ hoạt động tái đầu tư như sau:

<b>Giấy phép chứng nhận ưu đãi đầu tư</b>	<b>Thuế ưu đãi</b>
Quyết định 125/CN.UB ngày 25/7/2002	Miễn thuế TNDN trong năm 2003 và giảm 50% từ năm 2004 đến 2007 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới
Quyết định 51/CN.UB ngày 29/8/2003	Miễn thuế TNDN trong năm 2004 và giảm 50% từ năm 2005 đến 2008 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới
Quyết định 70/CN.UB ngày 16/8/2004	Miễn thuế TNDN trong năm 2005 và giảm 50% từ năm 2006 đến 2009 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới

## 26. Lãi trên cổ phiếu

### (a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Công ty là 370.341 triệu VNĐ (2006: 130.018 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 62.219.178 (2006: 60.000.000), được thực hiện như sau:

#### (i) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	370.340.944	130.017.864
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông	370.340.944	130.017.864

#### (ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2007	2006
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	60.000.000	60.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 18 tháng 8 năm 2007	2.219.178	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	62.219.178	60.000.000

## 27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VND'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
Công ty TNHH	Công ty	Bán thành phẩm, phụ phẩm	102.030.176	-
Đại Tây Dương	liên quan	Bán bao bì mua ngoài	152.803.797	
		cá nguyên liệu		
		Cho công ty liên quan vay	1.503.179.077	5.000.000
		Thu lãi tiền gửi	41.694.215	-
		Mua sản phẩm chế biến	967.178.082	29.897.243
Công ty TNHH	Công ty	Cho công ty liên quan vay	24.000.000	-
Thanh Thiên	liên quan	Bán thành phẩm	95.290.412	-
		Thu lãi tiền gửi	448.000	-
Dương Thị Kim Hương	Cổ đông	Các khoản vay	251.500.000	-
		Thanh lý tài sản cố định	11.345.333	-
Doãn Chí Thanh	Cổ đông	Cho cổ đông vay	74.200.000	-
		Thu lãi tiền gửi	1.691.300	-

## 28. Các cam kết

### (a) Chỉ tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty có các cam kết chi tiêu vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	2007 VND'000	2006 VND'000
Được duyệt và đã ký hợp đồng	38.101.525	5.727.335

## 29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	<b>Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VND'000</b>	<b>Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.276.041.339	605.334.168
Chi phí nhân công và nhân viên	87.218.036	28.391.554
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.552.102	7.896.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	332.830.653	133.227.336
Các chi phí khác	77.840.276	5.046.199

### 30. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận phải được lập và trình bày phù hợp với bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chính yếu, theo khu vực địa lý, dựa trên hệ thống báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp đến một bộ phận cũng như được phân bổ trên theo một nguyên tắc hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản và nợ, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, các khoản lỗ và lãi khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### (a) Bộ phận theo khu vực địa lý

Trong việc trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận được phân chia dựa vào khu vực địa lý của khách hàng trong đó bao gồm khách hàng tại Việt Nam (“Nội địa”) hoặc khách hàng ở các nước khác (“Xuất khẩu”).

	Xuất khẩu		Nội địa		Hợp nhất	
	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Tổng doanh thu	2.550.635.689	699.346.787	649.716.402	219.399.858	3.200.352.091	918.746.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6,032,213)	(3.376.640)	(882.612)	(9,226,287)	(6.914.825)	(12.602.927)
Doanh thu thuần	2.544.603.476	695.970.147	648.833.790	210.173.571	3.193.437.266	906.143.718
Giá vốn hàng bán	(2.005.972.121)	(556.033.284)	(477.003.982)	(137.067.420)	(2.482.976.103)	(693.100.704)
Lợi nhuận gộp	538,631,355	139,936,863	171,829,808	73,106,151	710.461.163	213.043.014



**(b) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn bao gồm những bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính sau: sản xuất và bán các sản phẩm cá và bao bì (“Sản xuất”), và mua và bán các sản phẩm cá (“Thương mại”).

	Sản xuất		Thương mại		Hợp nhất	
	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000	Từ 1/1/2007 đến 31/12/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Tổng doanh thu	2.145.334.993	918.746.645	1.055.017.098	-	3.200.352.091	918.746.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.619.697)	(12.602.927)	(1.295.128)	-	(6.914.825)	(12.602.927)
Doanh thu thuần	2.139.715.296	906.143.718	1.053.721.970	-	3.193.437.266	906.143.718
Giá vốn hàng bán	(1.571.603.220)	(693.100.704)	(911.372.883)	-	(2.482.976.103)	(693.100.704)
Lợi nhuận gộp	568.112.076	213.043.014	142.349.087	-	710.461.163	213.043.014

### **31. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của kỳ trước là cho giai đoạn từ ngày thành lập Công ty 2 tháng 10 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006.

Người lập

Người duyệt

Doãn Văn Nho  
*Kế toán trưởng*

Doãn Tới  
*Tổng Giám đốc*

Ngày 31 tháng 3 năm 2008